

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án tiếp tục phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 89/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp tục phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 299/TTr-SGTVT ngày 01/02/2016 về việc phê duyệt Đề án tiếp tục phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tiếp tục phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Chủ trương:

- Xây dựng và phát triển mạng lưới đường giao thông nông thôn là một trong những nội dung quan trọng để thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, góp phần cải thiện môi trường sống và tạo bộ mặt khang trang cho các khu vực nông thôn và các khu phố bên trong đô thị.

- Phát triển giao thông nông thôn là sự nghiệp của nhân dân, thực hiện theo phương châm “*Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ*” và huy động tối đa mọi nguồn vốn hỗ trợ từ các thành phần kinh tế và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Phát triển giao thông nông thôn phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và gắn với xây dựng nông thôn mới trên từng khu vực, địa bàn, theo hướng bền vững và đồng bộ với sự phát triển các loại kết cấu hạ tầng khác, từng bước giảm sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị.

II. Mục tiêu:

Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 70% km đường giao thông nông thôn ở thôn, xóm (kể cả ở địa bàn khu phố) được kiên cố hóa, trước hết tập trung

các tuyến trên địa bàn dân cư và 25 xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới, 27 xã hoàn thành tiêu chí 2 về giao thông giai đoạn 2016-2020 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đường nội bộ trên các thôn, xóm, bản; đường vào khu sản xuất tập trung; đường hẻm, ngõ ngách trong đô thị.

III. Kế hoạch 05 năm (giai đoạn 2016 - 2020) và kế hoạch hàng năm:

1. Kế hoạch 05 năm (giai đoạn 2016 - 2020):

Trên cơ sở mục tiêu phát triển đến năm 2020, kế hoạch phát triển giao thông nông thôn 05 năm (giai đoạn 2016 - 2020) thực hiện đảm bảo mục tiêu đề ra; đối chiếu khối lượng thực hiện giai đoạn 2011 - 2015, khối lượng còn lại dự kiến cần phải thực hiện kiên cố hóa giai đoạn 2016 - 2020 ít nhất là 860,2Km với kinh phí đầu tư trên 1.032 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 671 tỷ đồng; phân ra:
 - + Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 516 tỷ đồng (bao gồm thanh toán nợ các năm trước).
 - + Ngân sách cấp huyện hỗ trợ tối đa không quá 155 tỷ đồng.
- Nguồn đóng góp của tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong xã hội tối thiểu 361 tỷ đồng.

2. Kế hoạch phát triển bình quân hàng năm:

- Chiều dài đường cần thực hiện kiên cố hóa bình quân 01 năm đạt ít nhất 172,04Km.
- Kinh phí đầu tư trên 206,4 tỷ đồng, trong đó:
 - + Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 134,2 tỷ đồng; phân ra:
 - . Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 103,2 tỷ đồng (bao gồm thanh toán nợ các năm trước).
 - . Ngân sách cấp huyện hỗ trợ tối đa không quá 31 tỷ đồng.
 - + Nguồn đóng góp của tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong xã hội tối thiểu 72,2 tỷ đồng.

* Trên cơ sở mục tiêu kế hoạch 05 năm và hàng năm, UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố sẽ cân đối bố trí đủ nguồn vốn hỗ trợ kịp thời cho nhu cầu đầu tư phát triển.

* Kế hoạch 05 năm, hàng năm đề ra cho giai đoạn 2016 - 2020 là dự kiến trên cơ sở số liệu tính bình quân để đưa ra lộ trình phát triển, làm cơ sở cho việc cân đối nguồn vốn. Trong quá trình thực hiện, tùy theo nhu cầu, kế hoạch, khối lượng thực hiện và khả năng cân đối vốn hàng năm theo từng huyện, thị xã, thành phố; các huyện, thị xã, thành phố sẽ được hỗ trợ kinh phí với tỷ lệ khác nhau nhằm đáp ứng mục tiêu của cấp huyện, trong đó khuyến

khích và ưu tiên đối với các địa phương có phong trào giao thông nông thôn phát triển mạnh, đạt hiệu quả cao.

IV. Cơ chế đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư; mức huy động tối đa cho 01 công trình; đối tượng miễn, giảm và mức miễn, giảm; tổ chức thực hiện:

1. Cơ chế đầu tư:

Vốn đầu tư phát triển giao thông nông thôn thực hiện theo phương châm “*Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ*” với cơ cấu tỷ lệ như sau:

a) Khu vực 1: Các phường thuộc thành phố Phan Thiết, thị xã La Gi; các thị trấn ở các huyện, trong đó:

- Các phường:

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 55%, trong đó:

. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 40%.

. Ngân sách thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết hỗ trợ tối đa không quá 15%.

+ Nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong xã hội tối thiểu 45%.

- Các thị trấn (trừ các thôn ở thị trấn):

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 60%, trong đó:

. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 43%.

. Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa không quá 17%.

+ Nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong xã hội tối thiểu 40%.

b) Khu vực 2: Các xã thuộc thành phố Phan Thiết, thị xã La Gi và các xã thuộc các huyện còn lại (trừ các xã thuộc khu vực 3; các thôn có đồng bào dân tộc thiểu số xen ghép; các thôn đặc thù nằm ở vị trí hết sức khó khăn thuộc các xã khu vực 2 được quy định đối với khu vực 3).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 65%, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 50%.

+ Ngân sách huyện huyện, thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết hỗ trợ tối đa không quá 15%.

- Nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong xã hội tối thiểu 35%.

c) Khu vực 3: Các xã miền núi, vùng cao, hải đảo và ven biển đặc biệt khó khăn: Xã Phan Dũng, xã Phong Phú - huyện Tuy Phong; xã Phan Lâm, xã Phan Sơn, xã Phan Điền, xã Phan Tiến - huyện Bắc Bình; xã La Dạ, xã Đông Tiến, xã Đông Giang, xã Đa Mi - huyện Hàm Thuận Bắc; xã Mỹ Thạnh, xã Hàm Cần - huyện Hàm Thuận Nam; xã Thắng Hải - huyện Hàm Tân; xã La

Ngâu, xã Măng Tô - huyện Tánh Linh và các xã thuộc huyện Phú Quý; các thôn có đồng bào dân tộc thiểu số xen ghép và các thôn đặc thù nằm ở vị trí hết sức khó khăn thuộc các xã khu vực 2.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 80%, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 65%.

+ Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa không quá 15%.

- Nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong xã hội tối thiểu 20%.

Việc quy định tỷ lệ đóng góp của các khu vực nói trên trừ những nơi mà nhân dân tự nguyện đóng góp 100% để làm đường giao thông nông thôn; đồng thời khuyến khích các tổ chức và cá nhân ở các địa phương tự nguyện đóng góp nhiều hơn mức quy định tối thiểu như trên.

d) Đối với các tuyến đường giao thông nông thôn đặc thù không thể thực hiện theo cơ chế đã quy định: Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức khảo sát, đánh giá và đề xuất cơ cấu tỷ lệ nguồn vốn đầu tư cụ thể cho từng tuyến đường để tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Mức huy động đóng góp tối đa của nhân dân đối với 01 công trình:

- Khu vực 1: Mức huy động đóng góp tối đa cho 01 công trình là 2,0 tỷ đồng.

- Khu vực 2: Mức huy động đóng góp tối đa cho 01 công trình là 1,5 tỷ đồng.

- Khu vực 3: Mức huy động đóng góp tối đa cho 01 công trình là 1,0 tỷ đồng.

3. Đối tượng miễn, giảm và mức miễn, giảm:

- Đối tượng miễn, giảm là các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ neo đơn không có khả năng đóng góp.

- Đối tượng miễn, giảm và mức miễn, giảm cụ thể cho từng đối tượng sẽ do chính quyền địa phương ở cơ sở tổ chức cuộc họp dân trong từng thôn, xóm, khu phố bàn bạc thống nhất, quyết định và được niêm yết công khai tại địa phương theo quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 30/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

V. Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho cán bộ và mọi tầng lớp nhân dân nhận thức đúng mức vị trí, lợi ích và tầm quan trọng của giao thông nông thôn, từ đó thực sự tự nguyện, tự giác và tích cực làm giao

thông nông thôn. Cán bộ, công chức, viên chức phải phát huy vai trò gương mẫu, nòng cốt trong phong trào.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, sự phối hợp của chính quyền với mặt trận và các đoàn thể, phát huy việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở để xây dựng chương trình kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện ở các địa phương. Quá trình thực hiện phải luôn lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, công khai minh bạch, bàn bạc dân chủ trong nhân dân theo đúng phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, từ quá trình chuẩn bị dự án đến khi thi công hoàn thành công trình. Phát động thi đua, kịp thời khen thưởng, động viên và nhân rộng các điển hình.

3. Việc huy động sức dân được tiến hành bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Cơ cấu tỷ lệ vốn giữa ngân sách nhà nước hỗ trợ và nguồn vốn đóng góp tự nguyện của nhân dân đối với mỗi công trình đảm bảo phù hợp với từng địa phương, khu vực cụ thể, mang tính khả thi cao. Tăng cường huy động mọi nguồn lực trong xã hội, lồng ghép vốn các chương trình, dự án khác để đẩy mạnh phát triển giao thông nông thôn. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cân đối nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước hàng năm để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí vốn đủ, kịp thời theo kế hoạch đề ra.

4. Sở Giao thông vận tải tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đầy đủ các văn bản quy định, thủ tục, hướng dẫn nhằm đảm bảo thuận lợi trong quá trình thực hiện Đề án. UBND cấp huyện, cấp xã tăng cường công tác quản lý nhà nước, thường xuyên kiểm tra hướng dẫn việc triển khai, giám sát, đảm bảo chất lượng công trình, quản lý chặt nguồn kinh phí, tuyệt đối không để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã La Gi, thành phố Phan Thiết căn cứ Quyết định thi hành. / .*Nguyễn*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, ĐTQH. Hưng (60b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn

Nguyễn Ngọc Hai